TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-PT
Ngày: 05/5/2023
"V/v Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính và bà Trương Thị Đào Vi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 10 tháng 3, 25 tháng 4 và ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp thừa kế tài sản"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1937. Nơi cư trú: 6/8 Kiệt 32 đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L: ông Nguyễn Hoài N- Luật sư của Công ty Luật hợp danh T. Địa chỉ: 99 đường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Anh H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: đường M, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H: ông Bảo C- Luật sư của Văn phòng Luật sư B. Địa chỉ: 44 đường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962. Nơi cư trú: 115 đường N, Tổ 15,

phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968. Nơi cư trú: 4/28 đường H, Tổ 19, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Số 9 kiệt 30 đường H, Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Ông Nguyễn Tất C, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 7 kiệt 30 đường H Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1979. Nơi cư trú: 96 đường C. phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Tường D, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Tường L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Tường Diễm C, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà V, ông D, bà L và bà C: bà Nguyễn Thị P. Nơi cư trú: Số 9 kiệt 30 đường H, Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

9. Ông Nguyễn Tường D, sinh năm 1985. Nơi cư trú: đường H, Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Tất L, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 28 đường H, Tổ 19, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

11. Ông Nguyễn Tất T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Số 28 đường H, Tổ 19, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số 28 đường T, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà B: Ông Nguyễn Tất L, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 28 đường H, Tổ 19, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

13. Bà Đinh Thị X, sinh năm 1940. Nơi cư trú: Số 19 đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

14. Ông Hồ Đình Thanh L, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 19 đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

15. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số 19 đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị X, Lê Thị Kim T, Hồ Đình Thanh L: ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: đường P, phường U, huyện H, Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 25/4 và ngày 26/4/2023); có mặt.

16. Bà Trần Thị Hương B, sinh năm 1967. Nơi cư trú: 19 đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

17. Bà Hồ Thị Kiều N, sinh năm 1972. Nơi cư trú: số 1 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

18. Bà Hồ Thị Kiều C, sinh năm 1966. Nơi cư trú: 6/6/108 đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

19. Bà Hồ Thị Kiều H. Nơi cư trú: 8 đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

20. Ông Hồ Ngọc N, sinh năm 1955. Nơi cư trú: 10 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hồ Anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Hồ Đình Thanh L và bà Đinh Thị X): Ông Nguyễn Văn Đ và ông Vũ T - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH N và T - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1945. Nơi cư trú: Tổ 6, khu vực 3, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Ông Trần Hữu T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Tổ 7, khu vực 3, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn - Ông Hồ Anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Hồ Thị Kiều C, ông Hồ Đình Thanh L và bà Đinh Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cha mẹ của nguyên đơn bà Hồ Thị L là cụ ông Hồ Ngọc V (chết năm 1995) và cụ bà Trần Thị A (chết năm 1981). Cha mẹ của cụ V là cụ ông Hồ Ngọc H và cụ bà Trần Thị N đều chết trước năm 1995, cha mẹ của cụ A là cụ ông Trần Văn T và cụ bà Tôn Nữ Thị T đều chết trước năm 1981. Cụ V, cụ A sinh được 05 người con chung:

1. Bà Hồ Thị L.

2. Ông Hồ Ngọc M (chết năm 2001) có vợ là bà Đinh Thị X và có 05 người con gồm:

2.1. Hồ Anh H.

2.2. Hồ Đình Thanh L.

2.3. Hồ Thị Kiều C.

2.4. Hồ Thị Kiều N.

2.5. Hồ Thị Kiều H.

3. Bà Hồ Thị G (chết năm 2019) có chồng ông Nguyễn Tất L (chết năm 2014) và có 07 người con gồm:

3.1. Bà Nguyễn Thị Xuân M (chết năm 2004).

Bà M có chồng là ông Nguyễn Tường V (chết năm 1999) và 05 người con gồm: Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Tường D1, Nguyễn Tường D2, Nguyễn Thị Tường L, Nguyễn Tường Diễm C.

3.2. Bà Nguyễn Thị S;

3.3 Ông Nguyễn Tất L (chết năm 2014);

Ông L có vợ là bà Hoàng Thị Mỹ D và có 03 người con gồm: Nguyễn Tất T, Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Tất L.

3.4. Bà Nguyễn Thị B;

3.5. Nguyễn Thị N (chết năm 2000 không có chồng con);

3.6. Ông Nguyễn Tất C;

3.7. Bà Nguyễn Thị P.

4. Ông Hồ Ngọc T1 (chết khoảng năm 23 tuổi không có vợ con)

5. Ông Hồ Ngọc T2 (chết lúc 06 tuổi)

Khi còn sống cụ Hồ Ngọc V, cụ Trần Thị A có tạo lập được khối tài sản bao gồm:

+ Thửa đất số: 04, tờ bản đồ số: 19, diện tích: 556,3m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Thửa đất số: 05, tờ bản đồ số: 19, diện tích: 5,472m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Thửa đất số: 07, tờ bản đồ số: 19, diện tích: 209,1m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Thửa đất số: 09, tờ bản đồ số: 19, diện tích: 1.943,2m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Thửa đất số 266, tờ bản đồ số 14, diện tích 629,5m² toạ lạc tại: Tổ C, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nguồn gốc đất này là của ông nội bà L là cụ ông Hồ Ngọc H tạo lập và phân chia cho 03 người con trai, trong đó cha mẹ bà sau khi cưới nhau thì được ông bà nội phân chia cho phần đất thuộc các thửa đất nói trên và cha mẹ bà (cụ V, cụ A) đã làm nhà ở, sử dụng ổn định từ đó cho đến khi chết.

Trong quá trình sử dụng đất, do mẹ bà mất sớm, cha cùng các anh chị em sinh sống và canh tác trên các thửa đất này cho đến khi dựng vợ gả chồng thì theo chồng, riêng ông Hồ Ngọc M là con trai duy nhất nên sống chung với cha trên thửa đất này. Trong quá trình sinh sống trên nhà đất này, do hoàn cảnh cơ cực vì vợ mất sớm, cụ Hồ Ngọc V thường xuyên đi rừng, đi rú làm ăn nên thời điểm kê khai hồ sơ đăng ký bản đồ theo chỉ thị 299 của Thủ tướng chính phủ thì cụ V đang đi rừng không có nhà nên cán bộ đo đạc đã ghi tên của ông Hồ Ngọc M đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và kê khai luôn phần đất khoảng hơn 300m^2 của Nhà thờ phái III Họ Hồ. Trong quá trình sử dụng đất, cha bà có hiến một phần đất để làm trường mẫu giáo và hiện nay được sử dụng để làm nhà sinh hoạt của tổ dân phố.

Cụ V và cụ A chết không để lại di chúc, toàn bộ giấy tờ nhà đất trên do ông Hồ Ngọc M cất giữ và hiện nay là do Hồ Anh H (con trai ông M) cất giữ.

Đến thời điểm kê khai đăng ký theo bản đồ 202 thì cụ Hồ Ngọc V đã qua đời nên ông Hồ Ngọc M là con trai của cụ V đã tự ý phân chia đất cho các con của ông Minh và tự ý kê khai đăng ký thành nhiều thửa đất khác nhau.

Hiện nay trên các thửa đất tranh chấp này có 01 ngôi nhà ở cấp 4 do cụ V, cụ A xây dựng từ trước đến nay gồm 1 nhà chính 3 gian dùng để ở và thờ tự, 01 nhà bếp. Sau khi cụ V qua đời thì vợ chồng ông Hồ Ngọc M có xây dựng thêm một số phòng nối giữa nhà lớn và nhà bếp để ở và sinh hoạt; 01 nhà ở cấp 4 của Hồ Thị Kiều N (con gái của ông M); 01 nhà ở cấp 4 của Hồ Đình Thanh L (con trai của ông M); 01 ngôi nhà ở 02 tầng của Hồ Anh H (con trai của ông M); 01 dãy nhà trọ do ông Hồ Anh H quản lý; 01 số ngôi mộ của gia đình cụ Hồ Ngọc V hiện chôn cất trong chính vườn nhà mình; phần đất còn lại là đất trống và một số ít trồng keo, tràm.

Do các hàng thừa kế không đồng ý phân chia di sản thừa kế nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do cha mẹ bà là cụ V, cụ A để lại gồm các tài sản trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu bổ sung như sau:

* Ngày 09/4/2021 bà Hồ Thị L có đơn bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện: bà Lập yêu cầu Tòa án xem xét hủy quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật bao gồm:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 01217-2006 (03079) do UBND thành phố H cấp ngày 08/11/2006 cho ông Hồ Anh H, bà Trần Thị Hương B đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.943m^2, tọa lạc tại:Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 01645-2007 (05-113) do UBND thành phố H cấp ngày 27/12/2007 cho ông Lê Phúc V, bà Hồ Thị Kiều N đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 19, diện tích 556m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00491-2011 (089-19) do UBND thành phố H cấp ngày 16/8/2011 cho ông Hồ Anh H đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 14, diện tích 602m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

* Ngày 29/6/2021 bà L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 14 nói trên và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00491-2011 (089-19) do UBND thành phố H cấp ngày 16/8/2011 cho ông Hồ Anh H đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 14, diện tích 602 m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

* Ngày 03/12/2021 bà L tiếp tục có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phân chia tài sản thừa kế và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 01645-2007 (05-113) do UBND thành phố H cấp ngày 27/12/2007 cho ông Lê Phúc V, bà Hồ Thị Kiều N đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 19, diện tích 556m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 01217-2006 (03079) do UBND thành phố H cấp ngày 08/11/2006 cho ông Hồ Anh H, bà Trần Thị Hương B đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.943m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Và thửa đất số 07, tờ bản đồ số 19, diện tích: 209,1m^2, tọa lạc tại: Tổ C phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Do đó ngày 03/12/2021 bà L làm đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế do cha mẹ bà (cụ V, cụ A) để lại là nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, diện tích 5.472 m^2 đất tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguyện vọng của bà được chia theo quy định pháp luật và bà xin nhận bằng hiện vật.

Phía bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông H thống nhất với nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống, và ông H khai thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, diện tích khoảng 5472m^2 đất tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H hiện nay do cha ông là Hồ Ngọc M đăng ký theo bản đồ 299, sau khi cha ông chết mẹ ông là bà Đinh Thị X đứng tên kê khai quản lý sử dụng và từ khi sinh ra anh chị em của ông đã ở trên nhà đất này. Trên thửa đất này có nhà thờ 5m x7m do trước đó ông cố xây dựng, sau đó ông bà nội ông là cụ V, cụ A ở và đến cha mẹ ông ở, do con cái đông đúc nên cha mẹ ông có xây dựng thêm các dãy nhà liền kề, nhưng ông không cung cấp chứng cứ chứng minh.

Nguồn gốc đất đang tranh chấp trước đây là của ông H tạo lập, có xây dựng một ngôi nhà, khi cha mẹ ông vào ở thì đây là đất quan phòng quanh khu lăng mộ nên cha mẹ ông khai hoang và đã kê khai đăng ký. Sau đó cha ông đã tách thửa đất này thành nhiều thửa để kê khai đăng ký. Trong đó có thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H mà phía nguyên đơn đang khởi kiện. Vì vậy, ông H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà ông cho rằng nhà và đất này là của ông M, bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn, gồm Bà P, bà S, bà B, ông L: Đều nhất trí với ý kiến trình bày của bà L đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông bà ngoại của họ để lại (cụ V, cụ A) theo pháp luật vì cụ V, cụ A chết không để lại di chúc và bà P, bà S, bà B, ông L xin nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông C, ông D1, ông D2, bà V, bà L, bà C, ông T, bà B: vắng mặt nhưng tại các bản khai họ đều xác nhận nhà và đất đang tranh chấp trên là do cụ V, cụ A tạo lập. Nhưng ông C tặng kỷ phần thừa kế của ông cho bà P; Ông T, bà B tặng kỷ phần thừa kế của ông bà cho ông L. Phía bà V, ông D1, ông D2, bà L, bà C từ chối nhận thừa kế của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn, gồm bà X, bà C, bà N, bà H, ông L: đều thống nhất ý kiến với bị đơn cho rằng thửa đất trên là do chồng, cha mẹ họ tạo dựng nên, từ khi sinh ra, lớn lên họ đã sinh sống ở ngôi nhà và mảnh đất trên, nên không đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng ông H trình bày: Nguồn gốc nhà đất của ông V, bà A tọa lạc tại Tổ C, phường T, thành phố H thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, nguyên trước đây là của cha cụ V là cụ Hồ Ngọc H chia cho 03 người con của ông H là cụ Hồ Ngọc V, Hồ Ngọc B và Hồ Ngọc T mỗi người có 01 trích lục thửa đất của mình. Từ ngày được phân chia đất cụ V, cụ A đã ở trên thửa đất do

cụ H cho. Trên đất này có nhà ở của cụ V, cụ A. Nguồn gốc thửa đất trên trước đây có trích lục do cụ V cất giữ, còn hiện nay ở đâu ông không rõ vì ông là con của cụ B nên ông biết rõ nguồn gốc đất trên và cha của ông cũng có 01 tờ trích lục do cụ H chia đất cho.

Người làm chứng ông T trình bày: Xác nhận nhà và đất tọa lạc tại Tổ C phường T, thành phố H, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19 là của cụ V, cụ A. Sau khi được cụ H cho đất thì vợ chồng cụ V, cụ A xây nhà và ở trên thửa đất này đến khi chết. Sau khi hai cụ chết thì ông M là con trai quản lý, sử dụng.

Tại Bản án số 53/2022/DS-ST ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khản 1 Điều 39, Điều 27, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 26/2018/AL, khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế thửa đất số 07, tờ bản đồ số 19, diện tích 209,1m^2, tọa lạc tại:Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế thửa đất số 266, tờ bản đồ số 14, diện tích 602 m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00491-2011 (089-19) do UBND thành phố H cấp ngày 16/8/2011 cho ông Hồ Anh H đối với thửa đất số: 266, tờ bản đồ số 14, diện tích 602m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu phân chia tài sản thừa kế và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 01645-2007 (05-113) do UBND thành phố H cấp ngày 27/12/2007 cho ông Lê Phúc V, bà Hồ Thị Kiều N đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 19, diện tích 556 m^2, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 01217-2006 (03079) do UBND thành phố H cấp ngày 08/11/2006 cho ông Hồ Anh H, bà Trần Thị Hương B đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.943 m^2 đất, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế nhà và đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Hồ Ngọc V, cụ Trần Thị A là nhà thờ cấp 4, 01 tầng, diện tích 35.5 m^2 có kết cấu tường blô mái ngói, nền xi măng gắn liền diện tích đất 5172.7 m^2 tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có giá trị đất là 25.863.500.000

đồng và nhà thờ là 63.376.500 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là 25.926.876.500 đồng.

Xác định hàng thừa kế của cụ Hồ Ngọc V và cụ Trần Thị A gồm 03 người: bà Hồ Thị L, bà Hồ Thị G, ông Hồ Ngọc M.

Bà Hồ Thị G chết nên hàng thừa kế của bà G gồm: Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Tất L được hưởng kỷ phần của bà G.

Ông Hồ Ngọc M chết nên hàng thừa kế của ông M gồm: Bà Đinh Thị X, bà Hồ Thị Kiều H, bà Hồ Thị Kiều C, bà Hồ Thị Kiều N, ông Hồ Anh H, ông Hồ Đình Thanh L được hưởng kỷ phần của ông M.

- Trích 504.7 m^2 đất từ diện tích đất thừa kế làm lối đi chung cho các thửa đất được chia có chiều rộng là 3.5 m là một đường gấp khúc mà điểm đầu mép đường T rộng 5.07m, điểm cuối giáp thửa đất có ký hiệu 5-6 rộng 6.22 m. (Có bản vẽ kèm theo).

- Trích 10% công sức bảo quản, giữ gìn di sản thừa kế cho ông Hồ Ngọc M, bà Đinh Thị X diện tích đất 466.8 m^2 (Do ông M chết nên một nửa diện tích đất của ông M là 233.4 m^2 chia cho những người thừa kế của ông M, còn một nửa còn lại của bà X là 233.4 m^2 đất).

- Di sản thừa kế còn lại là 4668 m^2 được chia cho các hàng thừa kế của cụ Hồ Ngọc V và cụ Trần Thị A như sau:

+ Chia cho bà Hồ Thị L diện tích 1401.0 m^2 đất di sản thừa kế với giá trị là 7.005.000.000 đồng. Gồm hai thửa đất:

- Thửa đất có ký hiệu 5-1, diện tích 665.4 m^2 đất và thửa đất có ký hiệu 5-5, diện tích 735.6 m^2 đất, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và toàn bộ cây cối trên hai thửa đất. (Có bản vẽ kèm theo).

+ Chia cho bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Tất L là hàng thừa kế của bà Hồ Thị G diện tích 1398.2 m^2 đất di sản thừa kế với giá trị là 6.991.000.000 đồng. Gồm hai thửa đất:

- Thửa đất có ký hiệu 5-2, diện tích 896.2 m^2 đất và thửa đất có ký hiệu 5-6, diện tích 502.0 m^2 đất, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và toàn bộ cây cối trên hai thửa đất. (Có bản vẽ kèm theo).

+ Chia cho bà Đinh Thị X, bà Hồ Thị Kiều H, bà Hồ Thị Kiều C, bà Hồ Thị Kiều N, ông Hồ Anh H, ông Hồ Đình Thanh L là hàng thừa kế của ông Hồ Ngọc M nhà thờ có diện tích 35.5 m^2 gắn liền diện tích 1868.8 m^2 đất với giá trị là 9.344.000.000 đồng (Trong diện tích 1868.8 m^2 đất có 233.4 m^2 đất có giá trị 1.170.168.825 đồng của bà Đinh Thị X trích từ phần công sức bảo quản, giữ gìn tài sản của bà X). Gồm hai thửa đất:

- Thửa đất có ký hiệu 5 - 3, diện tích 711.1 m^2 đất, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và trên thửa đất này ngôi nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng 86.9 m^2 của vợ chồng ông Hồ Đình Thanh L và bà Lê Thị Kim T.

- Thửa đất có ký hiệu 5 - 4 , diện tích 1157.7 m^2 đất, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ 19, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

gắn liền nhà thờ cấp 4, 01 tầng tường blô, mái ngói, nền xi măng, diện tích xây dựng 35.5 m^2. Trên diện tích đất này còn có nhà liền kề nhà thờ diện tích 63.6 m^2, nhà sát nhà thờ diện tích 15.8 m^2, nhà vệ sinh riêng biệt diện tích 3.8 m^2, và giếng xây thả bi và toàn bộ cây cối trên hai thửa đất.

(Có bản vẽ kèm theo)

- Buộc bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm thanh toán tiền cây cối trên toàn bộ thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho vợ chồng ông Hồ Anh H, bà Trần Thị Hương B số tiền 90.600.000 đồng. Thanh toán cho vợ chồng ông Hồ Đình Thanh L, bà Lê Thị Kim T số tiền 61.300.000 đồng. Thanh toán cho bà Hồ Thị Kiều C số tiền 12.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí đo đạc, thẩm định, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 27 và ngày 28 tháng 10 năm 2022, bị đơn: ông Hồ Anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đinh Thị X, ông Hồ Đình Thanh L và bà Hồ Thị Kiều C có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu Cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về kháng cáo của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đinh Thị X, ông Hồ Đình Thanh L và bà Hồ Thị Kiều C; hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hồ Anh H, và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Đinh Thị X và ông Hồ Đình Thanh L (Luật sư Nguyễn Văn Điệp và Luật sư Vũ Tuấn) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, lai lịch của người để lại di sản và cho rằng cụ Hồ Ngọc V không chỉ có duy nhất một người vợ là cụ Trần Thị A mà còn có một người vợ khác là cụ Trần Thị L, tư cách tố tụng của ông Hồ Anh H, bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của ông L và bà T, Tòa án nhân dân thành phố Huế nhận định toàn bộ 5.472 m^2 đất tại thửa số 05 tờ bản đồ số 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có nguồn gốc là của cố Hồ Ngọc H cho con trai là cụ Hồ Ngọc V, từ đó xác định đây là di sản thừa kế của cụ Hồ Ngọc V và cụ Trần Thị A là không chính xác. ông M kê khai đăng ký nhà đất theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng chính phủ nên ông Minh có quyền sử dụng đối với toàn bộ thửa đất. Thửa đất tranh chấp đã được đưa vào hợp tác xã nên không phải là di sản thừa kế của cụ V, cụ A. Tòa án cấp sơ thẩm xác định được phần di sản của cụ V, cụ A nhưng lại trích công sức 10% cho

người trực tiếp quản lý di sản là không hợp lý, chưa phù hợp với tinh thần án lệ số 05/2016, đề nghị cấp phúc thẩm trích cho ông M và bà X công sức bảo quản, tôn tạo di sản bằng một kỷ phần thừa kế. Thửa đất cấp sơ thẩm chia cho những người thừa kế của ông M có giá trị thấp hơn các thửa đất chia cho các đương sự khác, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ; Không mở lối đi vào các ngôi mộ trên thửa đất số 06 là gây ảnh hưởng tới quyền, lợi ích của những người có quyền quản lý mộ, không xem xét đến căn nhà của vợ chồng ông L và bà T trên thửa đất chung các đồng thừa kế của ông Minh là làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, huỷ bản án sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự; kết quả tranh tụng; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm ngày 10/3/2023, nguyên đơn bà Hồ Thị L có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có ủy quyền theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Xuân giao nộp Bản Trích lục địa bộ đứng tên ông Hồ Ngọc H, số hiệu miếng đất B 345, diện tích 2788m^2. Vì vậy, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa ngày 25/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Đình Thanh Long vắng mặt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận được hồ sơ vào viện của ông Long. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 259 và Điều 304 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 05/5/2023, nguyên đơn bà Hồ Thị Lập có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là ông Hồ Đình Thanh L và bà Đinh Thị X vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền, bà Hồ Thị Kiều C vắng mặt, tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 10/3/2023 bà C có mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

1.2. Bị đơn ông Hồ Anh H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị X, ông Hồ Đình Thanh L và bà Hồ Thị Kiều C kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng trình tự thủ tục nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

[*2] Về kháng cáo của đương sự:*

2.1 Xét kháng cáo của bị đơn ông Hồ Anh H cho rằng ông vắng mặt lần đầu và có đề nghị hoãn phiên tòa nhưng cấp sơ thẩm vẫn xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn ông H và những người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông H và Luật sư V cho rằng ông H không phải là bị đơn trong vụ án và đã có đơn khiếu nại tại cấp sơ thẩm nhiều lần. Xét thấy: Căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định ông Hồ Anh H là bị đơn trong vụ án là có căn cứ.

2.2. Việc xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Trên thửa đất 5-3, diện tích 711,1 m^2 Tòa án cấp sơ thẩm chia cho những người thừa kế của ông M có nhà của ông L và bà T. Tòa án cấp sơ thẩm không chia thừa kế đối với ngôi nhà này. Vì vậy, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các con ông L và bà T. Do đó, Tòa án không xác định họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

- Về tên của người để lại di sản và người thừa kế của họ: Tại Biên bản hòa giải **(BL 296)** cũng như lời khai tại Tòa án bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận cụ V và cụ A có 05 người con: Hồ Ngọc M, Hồ Thị G, Hồ Thị L, Hồ Ngọc T1 (chết không có vợ con), Hồ Ngọc T2 (chết không có vợ con). Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

2.3. Xét lời khai của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về ngôi nhà cấp 04, 01 tầng, diện tích 35,5 m^2 tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Hồ Ngọc H, ông Trần Hữu T xác định nguồn gốc đất là của cố Hồ Ngọc H, cố H chia cho 03 người con là Hồ Ngọc V, Hồ Ngọc B và Hồ Ngọc T. Sau khi được cố H cho đất thì cụ V và cụ A xây dựng nhà và ở đến khi chết. Vì vậy, có căn cứ xác định ngôi nhà cấp 04 là di sản của cụ V và cụ A.

2.4. Tại cấp phúc thẩm bà Đinh Thị X giao nộp Bản Trích lục địa bộ đứng tên ông Hồ Ngọc H, số hiệu miếng đất B 345, diện tích 2788m^2. Bị đơn, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn cho rằng nguồn gốc đất của cố Hồ Ngọc H chứ không phải của cụ Hồ Ngọc V, diện tích đất theo trích lục là 2788m^2 nhưng cấp sơ thẩm chia thừa kế của cụ V 5172,7 m^2 là không có căn cứ. Xét thấy, cấp phúc thẩm đã xác minh tại UBND phường T, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, Trung tâm kỹ thuật công nghệ tông tin Tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế, các cơ quan này đều trả lời không xác định được vị trí thửa đất theo trích lục địa bộ mà bà X cung cấp.

+ Xét quá trình đăng ký sử dụng đất :

Theo bản đồ 299, ông Hồ Ngọc M đăng ký sử dụng thửa đất T415, diện tích 9208 m^2 thuộc tờ bản đồ số 05, đến năm 1998, thời điểm đo vẽ bản đồ 202,

thửa đất trên được tách thành nhiều thửa gồm: các thửa đất số 28, 4, 7, 8, 6, 9, 26, 5, 245.

Theo xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố H thì thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, diện tích 5154.5 m^2 đất có nội dung: "Theo danh sách các hộ gia đình, cá nhân chưa đủ điều kiện xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân phường lập tháng 11/2000 thì thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế diện tích 5154.49 m^2 thể hiện tên ông Hồ Ngọc M và bà Đinh Thị X thì thửa đất này được ghi trong mục "Lý do chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là "Nhà và đất do ông bà để lại" mục " Ý kiến của Ủy ban nhân dân phường, xã" ghi là "Lập thủ tục thừa kế". Ủy ban nhân dân phường T lưu sổ sách thể hiện thửa đất trên là đất thừa kế do ông bà để lại.

2.5. Từ những nhận định trên có căn cứ xác định ngôi nhà cấp 04 có diện tích 35.5m^2 gắn liền thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, diện tích 5172.7 m^2 tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là di sản thừa kế của cụ Hồ Ngọc V và cụ Trần Thị A. Do cụ V, cụ A chết không để lại di chúc nên bà L yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ V, cụ A để lại theo pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

2.6. Luật sư Vũ Tuấn cho rằng thửa đất tranh chấp đã đưa vào hợp tác xã và do ông M kê khai đăng ký nhà đất theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng chính phủ, nên không phải là di sản thừa kế của cụ V và cụ A mà ông M có quyền sử dụng đối với toàn bộ thửa đất là không có căn cứ; bởi lẽ: Theo kết quả xác minh tại UBND phường T **(BL 357)** do bà Trần Thị Huyền công chức địa chính cung cấp: *"UBND phường T chỉ lưu giữ sổ sách thể hiện thửa đất trên là đất thừa kế (do ông bà để lại) chứ không có hồ sơ, giấy tờ gì khác liên quan đến vấn đề này"*. Vì vậy, không có căn cứ xác định thửa đất đã được đưa vào Hợp tác xã. Căn cứ khoản 1 Điều 18 Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì Bản đồ 299/TTg không phải là một trong các giấy tờ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013, nên ông M không có quyền sử dụng thửa đất tranh chấp.

2.7. Về đường đi vào các lăng mộ trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 19: Xét các lăng mộ trên không nằm trong thửa đất số 05 mà thuộc thửa đất số 06. Vì vậy, cấp sơ thẩm không trích một phần diện tích đất trong thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19 đã phân chia thừa kế để mở lối đi vào các lăng mộ của thửa đất số 06 là có căn cứ, đúng pháp luật.

2.8. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia di sản thừa kế sau khi trừ đi một phần diện tích đất sử dụng mở lối đi chung của thửa đất có chiều rộng 3.5m, là một đường gấp khúc mà điểm đầu mép đường Phạm Đình Toái rộng 5.07m, điểm cuối giáp thửa 5-6 rộng 6.22m, có diện tích 504.7 m^2 đất theo sự tự nguyện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm bà Sen, bà Búp, bà Phượng, ông Luyến trong tổng diện tích đất tranh chấp. Do đó, diện tích đất còn lại để chia di sản thừa kế là 4.668m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

2.9. Về công sức bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế: Luật sư Vũ Tuấn đề nghị trích công sức cho ông M, bà X phần di sản bằng một kỷ phần thừa kế theo án lệ 05/2016 là không có căn cứ; bởi lẽ án lệ 05 không nêu tình huống như trên. Bản án sơ thẩm đã xem xét đến công sức bảo quản, tu bổ, giữ gìn di sản thừa kế trích 10% trên số di sản của cụ V, cụ A để lại cho ông M, bà X là 466.8 m^2 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

2.10. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Đ là đại diện theo ủy quyền của bà X đồng ý nhập phần đất của bà X được trích công sức tôn tạo, bảo quản di sản thừa kế vào phần đất được chia cho những người thừa kế của ông M, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà P được ông Nguyễn Tất C tặng kỷ phần thừa kế nhưng đồng ý nhập chung vào phần đất được hưởng cùng các ông bà S, B, L, nên chấp nhận.

2.11. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu được nhận giá trị ngôi nhà mà giao cho những người thừa kế của ông M được quyền sở hữu, nên chấp nhận.

2.12.Về ý kiến của Luật sư V cho rằng các thửa đất mà cấp sơ thẩm chia cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn có giá trị thấp hơn các thửa đất mà các đương sự khác được chia thừa kế, nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong toàn bộ thửa đất mà cấp sơ thẩm phân chia thừa kế thì thửa đất 5-3, diện tích 711,1 m^2 chia cho những người thừa kế của ông M là ở tổ C, có giá trị lớn hơn so với các thửa đất chia cho các đương sự khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Anh H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đinh Thị X, ông Hồ Đình Thanh L, bà Hồ Thị Kiều C; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, Bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết các yêu cầu này của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Tại cấp phúc thẩm bà Đinh Thị X có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho bà X.

Các đương sự khác phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, ông L, bà C phải chịu án phí phúc thẩm, miễn án phí phúc thẩm cho bà Xuân.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Hồ Anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan: bà Đinh Thị X, ông Hồ Đình Thanh L và bà Hồ Thị Kiều C; sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468, 609, 611 612, 613, Điều 618, Điều 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015. Điểm b Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu sau:

- Yêu cầu chia tài sản thừa kế thửa đất số 07, tờ bản đồ số 19, diện tích 209,1m^2, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.**

- Yêu cầu chia tài sản thừa kế thửa đất số 266, tờ bản đồ số 14, diện tích 602 m^2, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00491-2011 (089-19) do UBND thành phố H cấp ngày 16/8/2011 cho ông Hồ Anh H đối với thửa đất số: 266, tờ bản đồ số 14, diện tích 602m^2, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.** Yêu cầu phân chia tài sản thừa kế và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 01645-2007 (05-113) do UBND thành phố H cấp ngày 27/12/2007 cho ông Lê Phúc V, bà Hồ Thị Kiều N đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 19, diện tích 556 m^2, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế .

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 01217-2006 (03079) do UBND thành phố H cấp ngày 08/11/2006 cho ông Hồ Anh H, bà Trần Thị Hương B đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.943 m^2 đất, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.**

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L về việc chia di sản thừa kế tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.**

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hồ Ngọc V là năm 1995 và cụ Trần Thị A là năm 1981.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Hồ Ngọc V và cụ bà Trần Thị A. là nhà thờ cấp 4, 01 tầng, diện tích 35.5 m^2 có kết cấu tường blô mái ngói, nền xi măng, giá trị 63.376.500 đồng gắn liền diện tích đất 5172.7 m^2 tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có giá trị 25.863.500.000 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là 25.926.876.500 đồng.

5. Xác định hàng thừa kế của cụ Hồ Ngọc V và cụ Trần Thị A gồm 03 người: bà Hồ Thị L, bà Hồ Thị G, ông Hồ Ngọc M.

Bà Hồ Thị Gái chết nên những người thừa kế của bà G gồm: Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Tất L được hưởng kỷ phần của bà G.

Ông Hồ Ngọc M chết nên những người thừa kế của ông M gồm: Bà Đinh Thị X, bà Hồ Thị Kiều H, bà Hồ Thị Kiều C, bà Hồ Thị Kiều N, ông Hồ Anh H, ông Hồ Đình Thanh L được hưởng kỷ phần của ông M.

6. Trích 504.7 m^2 đất từ diện tích đất thừa kế làm lối đi chung cho các thửa đất được chia có chiều rộng là 3.5 m là một đường gấp khúc mà điểm đầu mép đường Phạm Đình T rộng 5.07m, điểm cuối giáp thửa đất có ký hiệu 5-6 rộng 6.22 m. (Có bản vẽ kèm theo).

7. Trích 10% công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo di sản thừa kế cho ông Hồ Ngọc M, bà Đinh Thị X diện tích đất 466.8 m^2, giá trị 2.334.000.000 đồng, giá trị nhà 6.337.600 đồng. Tổng cộng 2.340.337.600 đồng.

8. Chia giá trị và hiện vật như sau:

+ Chia cho bà Hồ Thị L diện tích 1401.0 m^2 đất, giá trị là 7.005.000.000 đồng. Gồm hai thửa đất:

- Thửa đất có ký hiệu 5-1, diện tích 665.4 m^2 và thửa đất có ký hiệu 5-5, diện tích 735.6 m^2, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và toàn bộ cây cối trên hai thửa đất. (Có bản vẽ kèm theo).

+ Chia cho bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Tất L là hàng thừa kế của bà Hồ Thị G diện tích 1398.2 m^2 đất, giá trị là 6.991.000.000 đồng. Gồm hai thửa đất:

- Thửa đất có ký hiệu 5-2, diện tích 896.2 m^2 và thửa đất có ký hiệu 5- 6, diện tích 502.0 m^2, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: 19 tọa Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và toàn bộ cây cối trên hai thửa đất. (Có bản vẽ kèm theo).

+ Chia cho bà Đinh Thị X, bà Hồ Thị Kiều H, bà Hồ Thị Kiều C, bà Hồ Thị Kiều N, ông Hồ Anh H, ông Hồ Đình Thanh L là hàng thừa kế của ông Hồ Ngọc M nhà thờ có diện tích 35.5 m^2, giá trị 63.376.500 đồng, gắn liền diện tích 1868.8 m^2 đất với giá trị là 9.344.000.000 đồng. Tổng giá trị 9.407.376.500 đồng (trong đó có 233,4 m^2 đất giá trị 1.167.000.000 đồng và 5% giá trị nhà là 3.168.825 đồng; Tổng cộng 1.170.168.825 đồng của bà Đinh Thị X được trích công sức bảo quản giữ gìn tài sản).

- Thửa đất có ký hiệu 5 - 3, diện tích 711.1 m^2, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: 19 đường H, Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Trên thửa đất này có ngôi nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng 86.9 m^2 của vợ chồng ông Hồ Đình Thanh L và bà Lê Thị Kim T).

- Thửa đất có ký hiệu 5 - 4 , diện tích 1157.7 m^2 đất, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ 19, tọa lạc tại: 19 đường H, Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế gắn liền nhà thờ cấp 4, 01 tầng, kết cấu tường blô, mái ngói, nền xi măng, diện tích xây dựng 35.5 m^2. (Trên diện tích đất này còn có nhà liền kề nhà thờ diện tích 63.6 m^2, nhà sát nhà thờ diện tích 15.8 m^2, nhà vệ sinh riêng biệt diện tích 3.8 m^2, và giếng xây thả bi) và toàn bộ cây cối trên hai thửa đất. (Có bản vẽ kèm theo)

9. Buộc bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm thanh toán tiền cây cối trên toàn bộ thửa đất số 05, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: 19 Tổ C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho vợ chồng ông Hồ Anh H, bà Trần Thị Hương B số tiền 90.600.000 đồng. Thanh toán cho vợ chồng ông Hồ Đình Thanh L, bà Lê Thị Kim T số tiền 61.300.000 đồng. Thanh toán cho bà Hồ Thị Kiều C số tiền 12.500.000 đồng.

Các đương sự có nghĩa vụ phải đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 9.194.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

11. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí cho bà Hồ Thị L, bà Nguyễn Thị S, bà Đinh Thị X.

- Buộc bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Tất L mỗi người phải chịu án phí là 28.747.750 đồng.

- Buộc bà Hồ Thị Kiều N, bà Hồ Thị Kiều C, bà Hồ Thị Kiều H, ông Hồ Đình Thanh L, ông Hồ Anh H mỗi người phải chịu án phí là 19.372.867 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Hồ Anh H, ông Hồ Đình Thanh L và bà Hồ Thị Kiều C mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào các biên lai thu tiền số: AA/2021/0004768, AA/2021/0004769, AA/2021/0004770 ngày 14/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đinh Thị X, trả lại cho bà Đinh Thị X số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0004771, ngày 14/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án

dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHAN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân